TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2023/DS-ST
Ngày: 28-4-2023
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GC, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thưa;

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Văn Hùng;

2. Ông Phạm Danh Hiếu;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã GC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 286/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 66/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1945;
Địa chỉ: ấp GIC, xã LH, thị xã GC, Tỉnh Tiền Giang; (xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông Bùi Hồng H, sinh năm: 1969;
2.2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969;
Cùng địa chỉ: ấp GIC, xã LH, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày*:

Vào ngày 01/9/2013 vợ chồng bà L có vay của bà số tiền 5.000.000 đồng (có làm biên nhận) để trả tiền nhân công làm nhà, thỏa thuận 01 tháng trả tiền gốc, lãi 2%/tháng. Đến hạn bà L chỉ trả 01 tháng tiền lãi còn tiền gốc thì không trả mà hứa hẹn nhiều lần cho đến nay. Tổng cộng vợ chồng bà L có đóng được 08 tháng tiền

lãi thì ngưng. Nay bà yêu cầu bị đơn cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 5.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại biên bản ghi lời khai, quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Vào thời gian trước bà không nhớ rõ bà có vay của bà N số tiền 5.000.000 đồng, bà N lấy lãi 8%/tháng, bà L có đóng lãi đầy đủ một thời gian thì ngưng lãi do đi thành phố làm việc. Sau đó một thời gian bà có trả cho bà N số tiền gốc là 3.000.000 đồng (trả 03 lần, mỗi lần 1.000.000 đồng). Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà N 2.000.000 đồng vốn gốc và xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả lãi. Biên nhận ngày 01/9/2013 là do bà viết và ký tên.

** Bị đơn ông Bùi Hồng H vắng mặt không có ý kiến.*

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa như sau:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Hòa, thị xã GC nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn để tranh chấp tiền nợ vay. Căn cứ vào các Điều 463 Bộ luật Dân sự nên quan hệ pháp luật là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà N có đơn xin vắng mặt, bị đơn bà L, ông H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự trên.

[4]. Về nội dung vụ án:

Bà Nói khởi kiện yêu cầu bà L và ông H pH có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ vay 5.000.000 đồng. Nguyên đơn có cung cấp giấy biên nhận do bà L, ông H ký tên. Bị đơn bà L thừa nhận còn nợ lại bà Nói 2.000.000 đồng tiền vay nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ, không đồng ý trả 5.000.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy giao dịch vay tiền giữa các bên đương sự trong vụ án là có thật, đã được các bên thừa nhận và thể hiện qua các biên nhận ngày 01/9/2013 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án. Trong biên nhận thể hiện vào

ngày 01/9/2013 vợ chồng bà L có vay của bà số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận 01 tháng sau sẽ trả tiền gốc. Bị đơn bà L cho rằng bà có vay của bà N số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 8%/tháng, bà có đóng lãi đầy đủ một thời gian thì ngưng lãi do đi thành phố làm việc. Sau đó một thời gian bà có trả cho bà N số tiền gốc là 3.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận. Nay bà chỉ đồng ý trả cho bà N 2.000.000 đồng vốn gốc và xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Xét lời trình bày của bà L là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì ngoài lời trình bày ra thì bà không có chứng cứ cụ thể chứng minh và cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Bà L là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, cho nên phải chịu trách nhiệm cho việc ký tên vào biên nhận nợ của bà.

Bị đơn ông H đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản đối gì đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tài liệu, tình tiết, văn bản mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy ông H đã thừa nhận còn nợ và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Xét thấy số tiền trên bà L, ông H vay đã lâu, khi vay có quy định thời gian trả vốn nhưng bà L, ông H đã không trả tiền cho bà Nói đúng quy định, đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên, vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Bà Nói đã nhiều lần yêu cầu bà L, ông H trả vốn nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện. Việc bị đơn cố tình vắng mặt và xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian trả nợ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nói. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà L.

Đối với yêu cầu tính lãi suất, mặc dù tại đơn khởi kiện bà N có yêu cầu Tòa án giải quyết tính lãi suất từ khi vay cho đến khi xét xử, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có văn bản xin rút yêu cầu tính lãi suất đối với bị đơn. Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi suất của bà N.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Nói là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã GC tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[6]. Về án phí: Bị đơn pH chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Được thực hiện theo quy định tại các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Hồng H có nghĩa vụ trả cho bà Nói tổng cộng 5.000.000 đồng, thời gian trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH thi hành án còn pH chịu phần tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất từ khi vay cho đến khi xét xử của bà N.

3. Về án phí:

- Buộc bà Nguyễn Thị L và ông Bùi Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND TXGC;
- Chi cục THADS TXGC;
- Các đương sự;
- Lưu.

Nguyễn Văn Thưa